

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28-10-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hòe
2. Ông Phạm Xuân Đức.

- Thư ký phiên tòa: ông Nông Đình Chiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa: bà Lang Thị Tổ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2019, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lầu Thị C, sinh năm 1989; có mặt;
2. Bị đơn: anh Giàng A P, sinh năm 1988; có mặt;
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Giàng Thị C, sinh năm 1944; có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông;

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Giàng A P: Luật sư Huỳnh Văn Đ – Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đăk Nông; có mặt.

5. Người phiên dịch cho bà Giàng Thị C: anh Lầu Bá T; địa chỉ: Phòng V huyện Đ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lầu Thị C trình bày: chị và anh Giàng A P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22-4-2008 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc, khoảng năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do anh P ham chơi, không quan tâm, chăm sóc vợ con, anh P bạo lực gia đình, tháng 6/2019 sau nhiều lần bị đuổi ra khỏi nhà, chị và anh P sống ly thân. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn với anh Giàng A P.

Về con chung: chị Lầu Thị C và anh Giàng A P có 03 con chung là Giàng Trung N, sinh ngày 03-6-2010, Giàng Đức M, sinh ngày 28-8-2011 và Giàng Thị Thiên T, sinh ngày 09-8-2014, khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T, 02 cháu N và M đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các con, nếu cả 02 người con đều yêu cầu ở với mẹ thì yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 03 con là 1.500.000 đồng/01 người/01 tháng cho đến khi đủ 18 tuổi; nếu chị trực tiếp nuôi 01 con chung thì không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị C thừa nhận không có tài sản chung với anh P nhưng có công sức đóng góp đối với tài sản hình thành trên đất của bà Giàng Thị C (*là mẹ ruột của anh P*) đang sử dụng trong thời gian sống chung với gia đình gồm các thửa:

+ **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 01**, diện tích 17.436,1 m² tại thôn B, xã Đ, huyện Đ có: cà phê kinh doanh năm thứ 5 gồm 1.900 cây; gòn trồng năm 2015: 18 cây; muồng đen trồng năm 2012: 10 cây; chôm chôm trồng năm 2015: 02 cây; 01 chòi rẫy: khung cột gỗ tròn, mái lợp tôn thiếc, vách thung tôn thiếc, không trần, nền đất, diện tích xây dựng: 4m x 3m = 12 m².

+ **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 02**, diện tích 7.229,7 m² tại thôn B, xã Đ, huyện Đ có: cà phê kinh doanh năm thứ 7 gồm 500 cây; xoài trồng năm 2009 (*trên 08 năm*): 03 cây; măng tre xuất khẩu: 01 bụi; 01 chòi rẫy khung cột gỗ xẻ, vách thung ván + tôn thiếc, mái lợp tôn thiếc, không trần, nền đất, diện tích xây dựng: 4m x 3,5m = 14 m².

+ **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 03**, diện tích 35.308,1 m² tại thôn H, xã Đ, huyện Đ có: cà phê kinh doanh năm thứ 4 gồm 325 cây; mít ghép trồng năm

2019: 06 cây; sầu riêng ghép trồng 2019: 04 cây; keo trồng năm 2018 diện tích $15.890,15 \text{ m}^2 = 2.520$ cây (*cây sinh trưởng, phát triển tốt*); keo trồng năm 2019 diện tích $15.088,3 \text{ m}^2 = 2.414$ cây (*cây sinh trưởng, phát triển tốt*).

+ **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 04 có:** nhà ở, diện tích 430 m^2 tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, cụ thể: nhà ở: khung gỗ chịu lực 02 tầng nhóm 4, nền lát gạch hoa, không bó móng, vách tôn, sàn gỗ nhóm 5, mái lợp tôn sóng vuông, cửa sắt, không trần, diện tích xây dựng $6,4\text{m} \times 10,6\text{m} = 67,84 \text{ m}^2$, nhà xây dựng năm 2012 và 2013; chái nhà phía bên trái nhà chính: khung sắt, vách tôn, nền láng xi măng M50, mái lợp tôn sóng vuông, không trần, diện tích xây dựng $3\text{m} \times 10,6\text{m} = 31,8 \text{ m}^2$; chái nhà phía bên phải nhà chính: khung sắt, vách tôn, nền láng xi măng M50, mái lợp tôn sóng vuông, không trần, diện tích xây dựng $2,7\text{m} \times 10,6\text{m} = 28,62 \text{ m}^2$; nhà bếp: khung gỗ xẻ, vách ván, mái lợp tôn sóng tròn, nền đất, không trần, diện tích xây dựng $4,6\text{m} \times 5,2\text{m} = 23,92 \text{ m}^2$; chân bồn nước: khung sắt V7, rộng 1,7m, cao 5,5m; ổi trồng trên 08 năm: 01 cây; mít trồng trên 08 năm: 04 cây; xoài trồng trên 04 năm: 01 cây. Theo biên bản định giá tài sản thì tài sản hình thành trong thời gian sống chung với gia đình có giá trị là **1.068.967.851 đồng**, là công sức của chị, anh Giàng A Phát và bà Giàng Thị Chợ tạo dựng nên yêu cầu được chia $1/3 = 356.322.000$ đồng (*làm tròn*).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất đai: buộc anh P và bà C liên đới chịu số tiền là 28.198.439 đồng, chị yêu cầu anh P và bà C hoàn trả $2/3$ tổng số tiền này.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Giàng A P trình bày: anh không thừa nhận mâu thuẫn như chị Lầu Thị C khai báo. Tuy nhiên vợ chồng có mâu thuẫn, anh xin ly hôn, sau đó rút đơn khởi kiện, nay chị C phản tố yêu cầu chia công sức đóng góp và xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn; về con chung: có 03 người con như chị C khai báo, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 người con và yêu cầu chị C cấp dưỡng 1.500.000 đồng/01 người con/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; trường hợp anh trực tiếp nuôi 02 con là cháu N và cháu M thì yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, cụ thể cấp dưỡng cho cháu N là 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị C yêu cầu chia công sức đóng góp trong khối tài sản chung, anh không đồng ý.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất đai, anh không đồng ý, do chị C yêu cầu thì chị C phải chịu. Về nợ chung: có nợ nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi cần sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giàng Thị C trình bày: bà không đồng ý trích chia công sức đóng góp trong khối tài sản chung như yêu cầu của chị C; không đồng ý chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí đo đạc đất đai.

Tại phiên tòa, đương sự thống nhất toàn bộ nội dung vụ án, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của đương sự cơ bản đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thỏa thuận của đương sự: về quan hệ hôn nhân: chị Lầu Thị C được ly hôn với anh Giàng A P; về con chung: giao cháu Giàng Trung N, sinh ngày 03-6-2010, Giàng Đức M, sinh ngày 28-8-2011 cho anh Giàng A P; giao cháu Giàng Thị Thiên T, sinh ngày 09-8-2014, cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng: đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: buộc anh Giàng A P hoàn trả công sức đóng góp cho chị Lầu Thị C số tiền là: 200.000.000 đồng. Anh Giàng A P và bà Giàng Thị C được sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong thời gian sống chung với gia đình. Về chi phí thẩm định: chị Lầu Thị C chịu 9.399.500 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp. Anh Giàng A P chịu 18.799.000 đồng, anh Giàng A P phải hoàn trả 18.799.000 đồng cho chị Lầu Thị C; về án phí: đương sự thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: anh Giàng A P xin ly hôn chị Lầu Thị C, trong quá trình giải quyết vụ án, anh P, chị C thay đổi yêu cầu, anh P rút đơn khởi kiện, chị C yêu cầu ly hôn và xin chia công sức đóng góp đối với phần tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân; anh P, chị C có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự*:

Anh Giàng A P khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Lầu Thị C, chị C yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là công sức đóng góp trong khối tài sản chung của anh P, chị C và bà Giàng Thị C (*là mẹ chồng của chị C*). Sau đó, anh P rút đơn khởi kiện, chị C giữ nguyên yêu cầu nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xin ly hôn của anh P là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lầu Thị C giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung trong thời gian sống chung với gia đình và phản tố yêu cầu ly hôn với anh Giàng A P nên chị C là nguyên đơn, anh P là bị đơn, bà Giàng Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Xét yêu cầu của chị Lầu Thị C, thấy rằng*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Lầu Thị C và anh Giàng A P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22-4-2008 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông là hợp pháp và có thật. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc, năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, chị và anh P sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị C và anh P đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C công nhận sự thỏa thuận ly hôn của đương sự là có căn cứ.

[3.2] *Về con chung*: chị Lầu Thị C và anh Giàng A P có 03 con chung là Giàng Trung N, sinh ngày 03-6-2010, Giàng Đức M, sinh ngày 28-8-2011 và Giàng Thị Thiên T, sinh ngày 09-8-2014, hiện hai cháu Giàng Trung N và Giàng Đức M đang ở với anh P. Tại phiên tòa, chị C và anh P thỏa thuận giao cháu Giàng Trung N, sinh ngày 03-6-2010; Giàng Đức M, sinh ngày 28-8-2011 cho anh P

nuôi dưỡng; giao cháu Giàng Thị Thiên T, sinh ngày 09-8-2014 cho chị C nuôi dưỡng nên cần công nhận sự thỏa thuận này là có căn cứ.

[3.3] *Về cấp dưỡng*: do anh Giàng A P và chị Lầu Thị C không yêu cầu nên không xem xét.

[3.4] *Về yêu cầu chia công sức đóng góp trong khối tài sản chung hình thành trong thời gian sống chung với gia đình*:

[3.4.1] Chị Lầu Thị C và anh Giàng A P có công sức đóng góp đối với số tài sản hình thành trên đất của bà Giàng Thị C (là mẹ của anh P) đang sử dụng. Đồng thời các đương sự xác định các lô đất được hình thành trước khi anh P và chị C về sống chung, hiện tại đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị C không yêu cầu chia đất nên không xem xét.

[3.4.2] Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản xác định các tài sản trên đất do anh P, chị C và bà C tạo lập trong thời gian sống chung với gia đình gồm:

+ **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 01**, diện tích 17.436,1 m² tại thôn B, xã Đ, huyện Đ có: cà phê kinh doanh năm thứ 5 gồm 1.900 cây, trong đó: **570 cây loại A, 760 cây loại B và 670 cây loại C**. Bơ trồng năm 2012: **05 cây**. Gòn trồng năm 2015: **18 cây**. Muồng đen trồng năm 2012: **10 cây**. Chôm chôm trồng năm 2015: **02 cây**. 01 chòi rẫy: khung cột gỗ tròn, mái lợp tôn thiếc, vách thung tôn thiếc, không trần, nền đất; diện tích xây dựng: 4m x 3m = **12 m²**.

+ **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 02**, diện tích 7.229,7 m² tại thôn B, xã Đ, huyện Đ có: cà phê kinh doanh năm thứ 7 gồm 500 cây, trong đó: **175 cây loại A, 200 cây loại B và 125 cây loại C**. Xoài trồng năm 2009 (trên 08 năm): **03 cây**. Mãng tre xuất khẩu: **01 bụi**. 01 chòi rẫy khung cột gỗ xẻ; vách thung ván + tôn thiếc, mái lợp tôn thiếc; không trần, nền đất; diện tích xây dựng: 4m x 3,5m = **14 m²**.

+ **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 03**, diện tích 35.308,1 m² tại thôn H, xã Đ, huyện Đ có: cà phê kinh doanh năm thứ 4 gồm **325 cây** đều loại C. Mít ghép trồng năm 2019: **06 cây**. Sầu riêng ghép trồng 2019: **04 cây**. Keo trồng năm 2018 diện tích **15.890,15 m² = 2.520 cây** (cây sinh trưởng, phát triển tốt). Keo trồng năm 2019 diện tích **15.088,3 m² = 2.414 cây** (cây sinh trưởng, phát triển tốt).

+ **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 04 có:** nhà ở, diện tích 430 m² tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, cụ thể: nhà ở: khung gỗ chịu lực 02 tầng nhóm 4; nền lát gạch hoa; không bó móng; vách tôn; sàn gỗ nhóm 5; mái lợp tôn sóng vuông; cửa sắt; không trần; diện tích xây dựng 6,4m x 10,6m = **67,84 m²**; nhà xây dựng năm 2012 và 2013. Chái nhà phía bên trái nhà chính: Khung sắt; vách tôn, nền lợp xi măng M50; mái lợp tôn sóng vuông; không trần; diện tích xây dựng 3m x 10,6m = **31,8 m²**. Chái nhà phía bên phải nhà chính: Khung sắt; vách tôn, nền lợp xi măng M50; mái lợp tôn sóng vuông; không trần; diện tích xây dựng 2,7m x 10,6m = **28,62m²**. Nhà bếp: Khung gỗ xẻ; vách ván; mái lợp tôn sóng tròn; nền đất; không trần; diện tích xây dựng 4,6m x 5,2m = **23,92 m²**. Chân bồn nước: Khung sắt V7; **rộng 1,7m; cao 5,5m**. Ổi trồng trên 08 năm: **01 cây**. Mít trồng trên 08 năm: **04 cây**. Xoài trồng trên 04 năm: **01 cây**. Toàn bộ tài sản này do anh Giàng A P và bà Giàng Thị C đang quản lý và sử dụng.

Theo biên bản định giá tài sản (*gồm những tài sản hình thành trên đất*) có giá trị là **1.068.967.851 đồng**, các đương sự thừa nhận đây là tài sản được tạo dựng trong thời gian sống chung với gia đình của chị Lầu Thị C, anh Giàng A P và bà Giàng Thị C.

[3.4.3] Tại phiên tòa, đương sự thỏa thuận: bà Giàng Thị C và anh Giàng A P được quyền sử dụng toàn bộ tài sản do 03 người tạo dựng trong thời gian sống chung với gia đình. Anh Giàng A P có trách nhiệm hoàn trả cho chị Lầu Thị C số tiền 200.000.000 đồng, trả làm 02 đợt, cụ thể: ngày 30-11-2020 trả 50.000.000 đồng; ngày 30-12-2020 trả 150.000.000 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi chị C có đơn yêu cầu thi hành án mà anh P không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật dân sự.

[4] Về nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất đai là 28.198.439 đồng, chị Lầu Thị C đã nộp số tiền này. Tại phiên tòa, chị C và anh Giàng A P thỏa thuận: chị C chịu 9.399.500 đồng, anh P phải chịu 18.799.000 đồng nên anh P hoàn trả cho chị C số tiền này.

[6] Về án phí: đương sự thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và đang sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ

thăm về hôn nhân và gia đình và án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản tranh chấp nên miễn án phí cho đương sự theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 33, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 56, Điều 59, Điều 61, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 246, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu xin ly hôn của anh Giàng A P đối với chị Lầu Thị C.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lầu Thị C. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

1.2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lầu Thị C được ly hôn với anh Giàng A P.

1.2.2. Về con chung: giao cháu Giàng Trung N, sinh ngày 03-6-2010 và Giàng Đức M, sinh ngày 28-8-2011 cho anh Giàng A P trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Giàng Thị Thiên T, sinh ngày 09-8-2014 cho chị Lầu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.2.3. Về cấp dưỡng: không xem xét giải quyết.

1.2.4 Về chia tài sản chung hình thành trong thời gian sống chung với gia đình: Công nhận sự thỏa thuận của đương sự, cụ thể:

1.2.4.1. Xác định tài sản gắn liền trên đất gồm: **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 01**, diện tích 17.436,1 m² tại thôn B, xã Đ, huyện Đ có: cà phê kinh doanh năm thứ 5 gồm 1.900 cây; bơ trồng năm 2012: **05 cây**; gòn trồng năm 2015: **18 cây**; muồng đen trồng năm 2012: **10 cây**; chôm chôm trồng năm 2015: **02 cây**; 01 chòi rẫy: khung cột gỗ tròn, mái lợp tôn thiếc, vách thung tôn thiếc, không trần, nền đất; diện tích xây dựng: 4m x 3m = **12 m²**. **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 02**, diện tích 7.229,7 m² tại thôn B, xã Đ, huyện Đ: cà phê kinh doanh năm thứ 7 gồm 500 cây; xoài trồng năm 2009 (*trên 08 năm*): **03 cây**; măng tre xuất khẩu: **01 bụi**; 01 chòi rẫy khung cột gỗ xẻ, vách thung ván + tôn thiếc, mái lợp tôn thiếc, không trần, nền đất, diện tích xây dựng: 4m x 3,5m = **14 m²**. **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 03**, diện tích 35.308,1 m² tại thôn H, xã Đ, huyện Đ: cà phê kinh doanh năm thứ 4 gồm **325 cây**; mít ghép trồng năm 2019: **06 cây**; sầu riêng ghép trồng 2019: **04 cây**; keo trồng năm 2018 diện tích **15.890,15 m² = 2.520 cây**; keo trồng năm 2019 diện tích **15.088,3 m² = 2.414 cây**. **Tài sản trên đất thuộc thửa đất số 04**: nhà ở, diện tích 430 m² tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, cụ thể: Nhà ở: khung gỗ chịu lực 02 tầng nhóm 4, nền lát gạch hoa, không bó móng, vách tôn, sàn gỗ nhóm 5, mái lợp tôn sóng vuông, cửa sắt, không trần, diện tích xây dựng 6,4m x 10,6m = **67,84 m²**, nhà xây dựng năm 2012 và 2013; chái nhà phía bên trái nhà chính: khung sắt, vách tôn, nền lãng xi măng M50, mái lợp tôn sóng vuông, không trần, diện tích xây dựng 3m x 10,6m = **31,8 m²**; chái nhà phía bên phải nhà chính: khung sắt, vách tôn, nền lãng xi măng M50, mái lợp tôn sóng vuông, không trần, diện tích xây dựng 2,7m x 10,6m = **28,62m²**; nhà bếp: khung gỗ xẻ, vách ván, mái lợp tôn sóng tròn, nền đất, không trần, diện tích xây dựng 4,6m x 5,2m = **23,92 m²**; chân bồn nước: khung sắt V7, **rộng 1,7m, cao 5,5m**; ổi trồng trên 08 năm: **01 cây**; mít trồng trên 08 năm: **04 cây**; xoài trồng trên 04 năm: **01 cây**. Các tài sản này là tài sản chung của chị Lầu Thị C, anh Giàng A P và bà Giàng Thị C. Anh Giàng A P và bà Giàng Thị C được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với các lô đất trên.

1.2.4.2. Anh Giàng A P phải thanh toán cho chị Lầu Thị C số tiền 200.000.000 đồng, cụ thể: ngày 30-11-2020 trả 50.000.000 đồng; ngày 30-12-2020 trả 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi chị Lầu Thị C có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Giàng A P không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật dân sự.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất đai: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất đai là 28.198.439 đồng, chị Lầu Thị C đã nộp. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự, cụ thể: chị Lầu Thị C chịu 9.399.500 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp. Anh Giàng A P chịu 18.799.000 đồng, anh Giàng A P phải hoàn trả 18.799.000 đồng cho chị Lầu Thị C.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

3.1. Hoàn trả cho anh Giàng A P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002751 ngày 22-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong.

3.2. Miễn án phí dân sự về hôn nhân và gia đình và án phí chia tài sản chung đối với chị Lầu Thị C, anh Giàng A P và bà Giàng Thị C. Hoàn trả cho chị Lầu Thị C số tiền tạm ứng án phí 5.812.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002745, ngày 11-9-2019 và 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002666, ngày 07-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Về quyền kháng cáo: các nội dung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực ngay. Các nội dung khác, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã C, huyện C,
tỉnh Đắk Nông *(để vào sổ Hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu: HS; VT.

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh